



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

Số:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật viễn thông;
- Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Căn cứ Thông tư 42/2025/TT-BCT do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2025 về Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông (dưới đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được ký kết ngày tháng..... năm 20..... tại..... giữa và bởi:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: (Gọi tắt là “Bên A” hoặc “Khách hàng”)

Tên Tổ chức/ Người tiêu dùng:

Người đại diện theo pháp luật (nếu là tổ chức):

Chức vụ:

(Theo Ủy quyền số ngày.../.../...)

Ngày sinh:.....

Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu:

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động:

Nơi cấp: Cấp ngày .../.../...

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

Mã số thuế:.....

Tài khoản giao dịch.....

Ngân hàng.....

Chi nhánh:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH LEWU TECH (Gọi tắt là “Bên B” hoặc LewuTech)

Số giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông: 141/GP-CVT

Nơi cấp: Bộ Thông Tin Và Truyền Thông Cục Viễn Thông Ngày cấp: 15/05/2024

Số Giấy chứng nhận ĐKDN: 0315566166

Nơi cấp: Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh Ngày cấp: 15/03/2019

Người đại diện: **LÊ QUANG THÀNH**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: 118/127A/28 Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84.28) 22 202 202 Website: <https://lewutech.vn/>

Mã số thuế: 0315566166

Tài khoản giao dịch: 55661668

Ngân hàng: Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) – Chi nhánh Lạc Long Quân

Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY TNHH LEWU TECH

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Bên A đồng ý sử dụng và Bên B đồng ý cung cấp một hoặc một số Dịch vụ dưới đây với số lượng tuyến kênh, giá cả, điều kiện được quy định tại Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm (dưới đây gọi tắt là “Điều khoản chung”).
2. Ngoài phần thông tin riêng của các bên do mỗi bên tự điền các nội dung để trống khác trong hợp đồng sẽ do hai bên thỏa thuận điền cụ thể khi ký kết hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 1.1 Bên cung cấp dịch vụ: là doanh nghiệp viễn thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép viễn thông, được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông theo nội dung giấy phép được cấp và theo quy định của pháp luật.
- 1.2 Bên sử dụng dịch vụ: là tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu sử dụng và ký kết Hợp đồng với Bên cung cấp dịch vụ để được cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.
- 1.3 Tổ chức: áp dụng đối với đối tượng tổ chức là người tiêu dùng theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- 1.4 Người tiêu dùng: là người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và không vì mục đích thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.
- 1.5 Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông: là sự thỏa thuận giữa Bên cung cấp dịch vụ và Bên sử dụng dịch vụ về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông, trong đó quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên, giá cước, phương thức thanh toán, chất lượng dịch vụ và các điều kiện khác có liên quan.

ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 2.1 Đối tượng của Hợp đồng là dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định (FTTH, Internet Leased Line và các hình thức truy nhập khác) có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên mà Bên B được phép cung cấp theo Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông số 141/GP-CVT và thuộc Danh mục ban hành kèm theo Thông tư 42/2025/TT-BCT. Chi tiết mô tả về từng dịch vụ, gói cước, quy định về chất lượng dịch vụ được nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này.
- 2.2 Địa điểm cung cấp dịch vụ: tại địa chỉ hợp pháp do Bên A yêu cầu theo từng Phụ lục cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU 3: GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ, PHÍ HÒA MẠNG, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Chi tiết về đơn giá, phí lắp đặt, phí duy trì và các khoản phí khác (nếu có) được nêu cụ thể trong Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng. Chi phí dịch vụ được tính từ thời điểm hai Bên ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu dịch vụ.
- 3.2 Phí Dịch vụ có thể được Bên B điều chỉnh để phù hợp với chính sách Dịch vụ tại từng thời điểm. Các thay đổi về chính sách phí dịch vụ được đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Viễn Thông hiện hành về nguyên tắc quản lý và điều tiết giá dịch vụ viễn thông. Giá dịch vụ được xác định dựa trên cơ cấu chi phí, giá thị trường, chính sách thuế và

quy định của cơ quan quản lý nhà nước tại từng thời điểm đảm bảo phù hợp với các quy định tại Điều 58 Luật Viễn Thông hiện hành. Trong trường hợp có điều chỉnh giá dịch vụ, Bên B sẽ thông báo cho Bên A tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước khi áp dụng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Bên A không có phản hồi thì được hiểu là đồng ý với chính sách mới và hai bên thống nhất thời điểm áp dụng chính sách giá mới là thời điểm được nêu trong thông báo của Bên B. Trong trường hợp Bên A không chấp thuận chính sách và thông báo giá mới mà Bên B thông báo, trước khi chính sách giá mới có hiệu lực, Bên A có quyền gửi thông báo bằng văn bản và yêu cầu Bên B ngừng cung cấp dịch vụ và chấm dứt Hợp đồng.

Trong trường hợp Bên A có nhu cầu thay đổi quy mô, bổ sung thêm các điểm kết nối, Bên A phải thanh toán cho Bên B chi phí phát sinh tương ứng, căn cứ theo Phụ lục hợp đồng ký bổ sung.

3.3 Thời hạn và phương thức thanh toán:

3.3.1 Thời hạn thanh toán: Hai Bên thống nhất thời hạn thanh toán cụ thể như sau:

a. Đối với Phí lắp đặt: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị Phí lắp đặt trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hóa đơn hoặc theo kỳ thanh toán cước phí sử dụng dịch vụ đầu tiên theo thông báo của Bên B.

b. Đối với Phí Dịch vụ: Bên A có thể lựa chọn một trong các hình thức sau:

- Phương án 1: Thanh toán cước mua nhiều tháng:

- Bên A có thể mua gói nhiều tháng để được hưởng chính sách ưu đãi tại thời điểm thanh toán cước mua gói nhiều tháng (ưu đãi có thể thay đổi theo từng thời điểm).
- Bên A thanh toán gói mua trước ... tháng/lần (*số tháng do Hai bên thỏa thuận khi ký Phụ lục Hợp đồng này*) cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ký Biên bản nghiệm thu dịch vụ và Bên A đã nhận được hóa đơn VAT hợp lệ từ Bên B.
- Bên A muốn gia hạn gói nhiều tháng cho chu kỳ tiếp theo (N+1), cần thanh toán muộn nhất trước ngày cuối cùng của chu kỳ trước (N).
- Bên B gửi thông báo (qua địa chỉ email Bên A đăng ký tại Hợp đồng hoặc hình thức khác như SMS, điện thoại hoặc văn bản) trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày để thông báo thời điểm hết hạn gói cước đóng trước. Sau thời hạn thông báo nêu trên, nếu Bên A không yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ hoặc không đăng ký gia hạn gói nhiều tháng cho chu kỳ tiếp theo thì mặc định sẽ tự động chuyển về hình thức đóng phí dịch vụ hàng tháng và áp dụng mức phí dịch vụ theo đơn giá dịch vụ hàng tháng quy định tại Phụ lục Hợp đồng hoặc thông báo phí của bên B tại từng thời điểm.

- Phương án 2: Thanh toán cước dịch vụ hàng tháng:

- Chậm nhất ngày mùng 5 của tháng N+1, Bên B gửi yêu cầu thanh toán cước dịch vụ tháng N cho Bên A.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán cước dịch vụ của tháng N cho Bên B trước ngày 20 tháng N+1.

3.3.2 Trong trường hợp Bên A không thực hiện thanh toán đúng thời hạn hoặc chỉ thanh toán một phần giá trị nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này, phần giá trị chưa thanh toán sẽ được xem là khoản chậm trả. Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán lãi chậm trả tương ứng với số tiền và số ngày chậm thanh toán thực tế. Mức lãi suất chậm trả được áp dụng không vượt quá 20%/năm, tính từ ngày tiếp theo sau thời hạn thanh toán cho đến khi Bên A hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

Trong trường hợp Bên B cung cấp Dịch vụ không đúng chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, phạm vi hoặc điều kiện đã cam kết trong Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm chủ động thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục, sửa chữa hoặc điều chỉnh nhằm đảm bảo Dịch vụ đáp ứng đúng các yêu cầu và tiêu chuẩn đã thỏa thuận. Thời hạn khắc phục là (thời gian do hai Bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng nhưng không quá 7 ngày).

Trường hợp Bên B không thể khắc phục được hoặc việc khắc phục kéo dài vượt quá thời hạn cho phép, Bên B có trách nhiệm giảm trừ hoặc hoàn trả phần phí dịch vụ tương ứng với thời gian hoặc phạm vi Dịch vụ bị gián đoạn, kém chất lượng cho Bên A.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp vi phạm phát sinh do sự kiện bất khả kháng được nêu tại Điều 12 của Hợp đồng.

$$\text{Số tiền giảm trừ/hoàn trả (VNĐ)} = \text{Phí sử dụng dịch vụ (VNĐ)} \times \frac{\text{Thời gian dịch vụ bị gián đoạn hoặc kém chất lượng (Giờ)}}{\text{Thời gian sử dụng dịch vụ (Giờ)}}$$

3.3.3 Bên B sẽ không thu cước trong khoảng thời gian Bên B tạm ngừng cung cấp Dịch vụ để tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới theo kế hoạch; do lỗi kỹ thuật; do các nguyên nhân bất khả kháng gây ra.

3.3.4 Thông tin tài khoản ngân hàng thụ hưởng của Bên B được thể hiện tại phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn sử dụng dịch vụ là 01 (một) năm, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày so với ngày hết hạn, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về:

- Thời điểm hết hạn hợp đồng;
- Mức giá cước áp dụng trong trường hợp gia hạn;

Sau khi nhận được thông báo, Bên A có quyền lựa chọn tiếp tục gia hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng. Sau thời hạn thông báo nêu trên, nếu Bên A không có phản hồi về việc gia hạn hay chấm dứt sử dụng dịch vụ thì Hợp đồng sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm 01 (một) năm, với mức cước áp dụng theo Phụ lục đính kèm hoặc theo thỏa thuận gia hạn mới giữa hai Bên (nếu có).

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1 Quyền của Bên A

5.1.1 Được cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông và các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm;

5.1.2 Sử dụng Dịch vụ theo chất lượng và gói dịch vụ trong hợp đồng đã ký kết với Bên B. Được đảm bảo chất lượng theo từng dịch vụ được nêu tại Phụ lục đính kèm;

5.1.3 Khiếu nại về giá dịch vụ, chất lượng Dịch vụ

5.1.4 Được quyền bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Bên A theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bên B chỉ được sử dụng thông tin của Bên A khi để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của 1 bên. Việc thu thập, sử dụng thông tin của Bên A (bao gồm cả chia sẻ, tiết lộ

- và chuyển giao thông tin của Bên A cho bên thứ ba) phải được Bên A đồng ý theo các quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- 5.1.5 Bên A có quyền đề nghị Bên B chuyển quyền sử dụng Dịch vụ, thay đổi địa điểm cung cấp Dịch vụ, thay đổi các Dịch vụ sử dụng, tạm ngừng và khôi phục sử dụng Dịch vụ.
- 5.1.6 Trường hợp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện thủ tục chấm dứt và thanh lý phần Dịch vụ hoặc Hợp đồng tương ứng. Việc chấm dứt này chỉ được thực hiện khi Bên A đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 7.2.1 của Hợp đồng này.
- 5.2 Nghĩa vụ của Bên A**
- 5.2.1 Trường hợp Bên B xem xét và chấp thuận đề nghị thay đổi Dịch vụ của Bên A, nếu việc thay đổi này làm phát sinh chi phí ngoài phạm vi phí đã được hai Bên ký kết, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên B phần chi phí phát sinh tương ứng.
- 5.2.2 Cung cấp chính xác các thông tin liên quan đến Bên A trên Hợp đồng, các Phụ lục Hợp đồng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên B các thay đổi, bổ sung thông tin nêu trên (nếu có); Chịu trách nhiệm trước Bên B và pháp luật về tính hợp pháp của địa điểm sử dụng Dịch vụ theo Hợp đồng;
- 5.2.3 Thiết kế, lắp đặt, quản lý, sử dụng thiết bị, Dịch vụ theo đúng quy định pháp luật, thông báo, hướng dẫn của Bên B và những nội dung đăng ký trong Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên B về mục đích sử dụng Dịch vụ, nội dung thông tin truyền, đưa, lưu trữ trên thiết bị và Dịch vụ; Bên B được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến mục đích và việc sử dụng Dịch vụ của Bên A cũng như mọi thiệt hại xảy ra do lỗi của Bên A trong quá trình sử dụng Dịch vụ.
- 5.2.4 Có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra dịch vụ và ký xác nhận biên bản nghiệm thu hoặc các tài liệu/biên bản cần ký xác nhận khác trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Bên B có văn bản đề nghị nghiệm thu hoặc các tài liệu/biên bản cần xác nhận. Sau thời hạn trên, nếu Bên A không có ý kiến phản hồi thì xem như Bên A đã đồng ý các nội dung theo thông báo của Bên B.
- 5.2.5 Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ việc triển khai dịch vụ, bao gồm: mục đích sử dụng dịch vụ, quy mô hệ thống hoặc phạm vi sử dụng, cấu hình mạng hiện tại và các yêu cầu kỹ thuật cụ thể (nếu có), địa điểm lắp đặt, thời gian triển khai dự kiến và thông tin người liên hệ; phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng, cử nhân viên phụ trách để cùng Bên B thực hiện các công việc như đo thử, kiểm tra, tiếp nhận thiết bị, bàn giao, nghiệm thu dịch vụ và xác nhận các biên bản liên quan; tạo điều kiện thuận lợi để Bên B triển khai và cung cấp dịch vụ đúng tiến độ. Bên B không chịu trách nhiệm trong trường hợp việc cung cấp thông tin, phối hợp hoặc xác nhận từ phía Bên A không đầy đủ, không kịp thời, dẫn đến ảnh hưởng tiến độ hoặc chất lượng dịch vụ.
- 5.2.6 Thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để bảo mật tên truy nhập, mật khẩu, thiết bị đầu cuối, hệ thống của mình, tránh hiện tượng truy cập trái phép vào mạng lưới của Bên B thông qua hệ thống của Bên A hoặc để bất cứ bên thứ ba nào (i) đăng nhập trái phép/ tìm cách đăng nhập trái phép hoặc (ii) sử dụng Dịch vụ/có hành vi vi phạm hoặc (iii) có hành vi gây thiệt hại hoặc thay đổi (không được sự đồng ý của Bên B) cho Hệ thống/dữ liệu/Dịch vụ của Bên B. Thực hiện thanh toán các khoản chi phí trong trường hợp phát sinh dịch vụ và phí ngoài quy định của Hợp đồng ngoài ý muốn/ do lỗi của Bên A.

- 5.2.7 Thực hiện bảo vệ an toàn mạng lưới viễn thông, Internet theo quy định pháp luật. Trường hợp có sự cố, chất lượng Dịch vụ không đảm bảo, Bên A phải thông báo kịp thời cho Bên B để phối hợp xử lý;
- 5.2.8 Bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của mình gây ra cho Bên B;
- 5.2.9 Bên A chịu trách nhiệm và đảm bảo các nội dung sau:
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, bao gồm các quy định cấm, các trách nhiệm, điều kiện sử dụng, thuế, và các giấy tờ pháp lý cần thiết để chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ, cụ thể: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có), và các giấy phép chuyên ngành khác liên quan đến hoạt động sử dụng dịch vụ (nếu pháp luật có quy định);
 - Tuân thủ các cam kết, quy định của Hợp đồng và các quy định, các điều kiện sử dụng dịch vụ của Bên B
 - Bên A không sử dụng Dịch vụ để gửi bất kỳ thông tin nào bất hợp pháp;
 - Việc sử dụng Dịch vụ của Bên A không vi phạm cách sử dụng được chấp nhận của bất kỳ mạng, thiết bị hoặc dịch vụ nào được đánh giá thông qua mạng của Bên B;
 - Bên A không sử dụng dịch vụ theo cách gian lận, lừa đảo hoặc gây hiểu lầm (bao gồm sử dụng thông tin, giấy tờ, tài liệu giả mạo hoặc sai sự thật để đăng ký, giao dịch hoặc sử dụng dịch vụ; mạo danh hoặc sử dụng trái phép thông tin của cá nhân, tổ chức khác; hoặc tổ chức, thiết lập hệ thống nhằm mục đích gây nhầm lẫn nghiêm trọng cho bên thứ ba về danh tính, nội dung, hoặc bản chất của dịch vụ đang được cung cấp.
 - Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với mọi quyền truy cập và sử dụng Dịch vụ.
- 5.2.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1 Quyền của Bên B

- 6.1.1 Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ viễn thông ghi trong hợp đồng; đồng thời thực hiện đúng Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và pháp luật liên quan;
- 6.1.2 Được yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ các khoản phí và cước theo quy định của Hợp đồng;
- 6.1.3 Bên B được thu thập, sử dụng, chuyển giao các thông tin của Bên A nhằm phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng, cung cấp dịch vụ theo quy định pháp luật. Bên B chỉ được chuyển giao thông tin của Bên A cho bên thứ ba khi có sự đồng ý của Bên A, trừ trường hợp việc cung cấp thông tin được yêu cầu bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hoặc các trường hợp pháp luật có quy định khác;
- 6.1.4 Được chuyển nhượng quyền cung cấp Dịch vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác (nếu có) khi được bên A đồng ý bằng văn bản;
- 6.1.5 Bên B có quyền từ chối tiếp nhận các khiếu nại không đúng quy định pháp luật; từ chối bồi thường các thiệt hại gián tiếp, bao gồm thiệt hại về tinh thần hoặc các thiệt hại khác mà pháp luật không quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 6.1.6 Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp các hồ sơ, tài liệu để chứng minh việc sử dụng Dịch vụ của Bên A là phù hợp quy định của Pháp luật và các quy định tại Hợp đồng.
- 6.1.7 Bên B là chủ sở hữu của Bộ thiết bị mà Bên B đầu tư, lắp đặt cho Bên A để phục vụ quá trình sử dụng dịch vụ. Trong trường hợp tạm ngừng cung cấp Dịch vụ theo yêu cầu của Bên A, chấm dứt Hợp đồng hoặc hủy bỏ Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng hoặc quy

định pháp luật, Bên B có quyền thu hồi thiết bị (đã trang bị cho Bên A) theo quy định của Bên B;

6.1.8 Bên B được quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ hoặc Hợp đồng tương ứng và yêu cầu Bên A thực hiện thủ tục chấm dứt và thanh lý phần Dịch vụ hoặc Hợp đồng tương ứng. Việc tạm ngừng hoặc chấm dứt này chỉ được thực hiện khi Bên B đáp ứng đầy đủ các điều kiện về tạm ngừng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 7.1.1 và 7.2.2 của Hợp đồng này.

6.1.9 Các quyền theo quy định tại Điều 13 Luật Viễn thông, bao gồm:

- a. Xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và diêm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông;
- b. Thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, diêm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác;
- c. Thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông;
- d. Cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý;
- e. Được phân bổ tài nguyên viễn thông theo quy định của Luật này về quản lý tài nguyên viễn thông;
- f. Nghiên cứu phát triển, triển khai thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới trong hoạt động viễn thông;

6.1.10 Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và pháp luật.

6.2 Nghĩa vụ của bên B

6.2.1 Thực hiện đúng Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và các văn bản pháp luật có liên quan;

6.2.2 Đảm bảo chất lượng Dịch vụ cung cấp cho Bên A theo đúng chất lượng dịch vụ quy định trong các Phụ lục đính kèm Hợp đồng; thường xuyên kiểm tra chất lượng Dịch vụ mà mình cung cấp;

6.2.3 Thực hiện bảo mật thông tin cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này.

6.2.4 Hướng dẫn Bên A sử dụng Dịch vụ theo đúng các quy định, quy trình của Bên B, hỗ trợ kỹ thuật khi có yêu cầu hợp lý của Bên A;

6.2.5 Giải quyết khiếu nại của Bên A theo thời gian quy định của pháp luật;

6.2.6 Khôi phục dịch vụ khi Bên A hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với trường hợp tạm ngừng cung cấp Dịch vụ theo thời hạn quy định của Hợp đồng hoặc thông báo của Bên B;

6.2.7 Kịp thời kiểm tra, giải quyết khi Bên A thông báo sự cố về chất lượng Dịch vụ;

6.2.8 Thông báo cho Bên A trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh dịch vụ và sẽ tiến hành chấm dứt Hợp đồng;

6.2.9 Bảo mật thông tin thuê bao và thực hiện các yêu cầu xác thực thông tin theo quy định;

6.2.10 Ngăn chặn tin nhắn, cuộc gọi vi phạm pháp luật theo yêu cầu cơ quan chức năng;

6.2.11 Thực hiện biện pháp kỹ thuật theo yêu cầu để bảo đảm an toàn mạng, an ninh thông tin;

6.2.12 Các nghĩa vụ khác theo quy định khác tại Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và quy định pháp luật.

ĐIỀU 7: TẠM NGỪNG, CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

7.1 Trường hợp tạm ngừng cung cấp Dịch vụ

7.1.1 Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ trong các trường hợp sau đây, đồng thời phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A theo quy định tại Điều 42 Luật Viễn thông và khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

- a. Bên A không thực hiện đúng hoặc vi phạm các cam kết của Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo;
- b. Bên A vi phạm pháp luật trong quá trình sử dụng dịch vụ hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- c. Khi Bên B phát hiện hoặc có bằng chứng cho thấy việc tiếp tục cung cấp dịch vụ cho Bên A có thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba hoặc dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện của bên thứ ba;
- d. Khi Bên B thực hiện bảo trì, nâng cấp, sửa chữa mạng lưới hoặc hệ thống theo kế hoạch của Bên B.
- e. Khi Bên B nhận thấy việc tiếp tục cung cấp dịch vụ có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, ổn định mạng lưới hoặc hệ thống kỹ thuật của Bên B mà không phải lỗi của Bên A bao gồm các trường hợp: hệ thống có dấu hiệu bị tấn công, truy cập bất thường, rủi ro lan truyền sự cố, hoặc các nguy cơ tiềm ẩn khác có thể gây gián đoạn hoặc mất an toàn cho hệ thống

Trong mọi trường hợp tạm ngừng cung cấp dịch vụ, Bên B có trách nhiệm thông báo trước cho Bên A bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước thời điểm tạm ngừng, thời gian tạm ngừng không quá 07 (bảy) ngày làm việc, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc sự cố kỹ thuật đặc biệt phức tạp cần thời gian khắc phục dài hơn có thông báo cho Bên A trừ các trường hợp tạm ngừng cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc do sự kiện bất khả kháng được nêu tại Điều 11 thuộc Hợp đồng này.

Bên B chỉ khôi phục dịch vụ khi các nguyên nhân đến việc tạm ngừng được khắc phục. Đồng thời, khi tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ, Bên B không phải hoàn trả khoản tiền mà Bên A đã thanh toán trước cho thời gian tạm ngừng, trừ trường hợp việc tạm ngừng do lỗi của Bên B. Lỗi của Bên B bao gồm: lỗi kỹ thuật phát sinh từ hệ thống, thiết bị hoặc hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Bên B; Bên B không thực hiện đúng quy trình vận hành, bảo trì, hỗ trợ theo quy định; Bên B chậm trễ trong việc xử lý sự cố vượt quá thời hạn khắc phục đã được cam kết giữa hai Bên. Trong các trường hợp này, Bên B có trách nhiệm hoàn trả hoặc giảm trừ phần chi phí dịch vụ đã thu trước, tương ứng với thời gian tạm ngừng mà Bên A không được sử dụng dịch vụ.

Trường hợp sau 07 (bảy) ngày làm việc mà Bên A không khắc phục vi phạm sau khi đã được Bên B thông báo và tạm ngừng cung cấp dịch vụ, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không cần thông báo lại.

7.2 Trường hợp chấm dứt Hợp đồng

7.2.1 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Phụ lục/Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- a. Bên B không thực hiện đúng hoặc vi phạm các cam kết, nghĩa vụ trong Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo;
- b. Chất lượng dịch vụ không đảm bảo hoặc không đáp ứng đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, cam kết quy định tại Hợp đồng hoặc Phụ lục kèm theo, dù đã được Bên A thông báo bằng văn bản và yêu cầu Bên B sửa chữa, khắc phục nhưng Bên B không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn ... (thời gian do hai Bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng, nhưng không quá 7 ngày)
- c. Bên B vi phạm pháp luật hoặc hành vi của Bên B gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A;

- d. Bên B không cung cấp dịch vụ theo đúng thời gian, chất lượng hoặc các nội dung cam kết trong Hợp đồng hoặc Phụ lục kèm theo mà không có lý do chính đáng được Bên A chấp thuận bằng văn bản, hoặc không khắc phục sự cố, gián đoạn dịch vụ trong thời hạn ... (thời gian do hai Bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng nhưng không quá 7 ngày)
- e. Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu Bên A chấm dứt hợp đồng hoặc ngừng sử dụng dịch vụ viễn thông;
- f. Bên B bị phá sản, giải thể hoặc không còn khả năng cung cấp Dịch vụ theo cam kết trong Hợp đồng;
- g. Bên A gặp khó khăn nghiêm trọng về tài chính (như mất khả năng thanh toán, bị phong tỏa tài khoản, cưỡng chế tài sản, đang trong quá trình giải thể hoặc phá sản) hoặc có sự thay đổi về tình hình pháp lý (như bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, thay đổi người đại diện pháp luật hoặc chủ sở hữu, bị đình chỉ hoạt động, hoặc có thay đổi quy định pháp luật) làm cho việc tiếp tục sử dụng dịch vụ không còn hợp pháp;

7.2.2 Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Phụ lục/Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- a. Bên A không thực hiện đúng hoặc vi phạm các cam kết của Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo;
- b. Bên A vi phạm pháp luật trong quá trình sử dụng Dịch vụ;
- c. Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- d. Hết thời hạn được quyền tạm ngừng theo quy định tại khoản 7.1 của Điều khoản chung mà Bên A không có yêu cầu khôi phục việc sử dụng Dịch vụ.
- e. Bên A bị phá sản, giải thể, không còn khả năng và nhu cầu sử dụng dịch vụ.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng hoặc của pháp luật.

7.2.3 Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng, bên có yêu cầu chấm dứt phải thông báo trước cho bên còn lại bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc trước thời điểm chấm dứt, trừ các trường hợp sau:

- Chấm dứt theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Các bên có thỏa thuận khác, người tiêu dùng có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ liên tục tại bất kỳ thời điểm nào và thông báo cho tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp người tiêu dùng đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, người tiêu dùng chỉ phải thanh toán đối với phần dịch vụ mà mình đã sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hiện hành.

7.3 Thanh toán và nghĩa vụ khi chấm dứt hợp đồng

7.3.1 Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm hoàn tất các nghĩa vụ với Bên B gồm:

- a. Thanh toán toàn bộ các khoản phí còn nợ bao gồm: Thanh toán đầy đủ toàn bộ các khoản phí và nghĩa vụ tài chính còn nợ tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng, bao gồm phí dịch vụ tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng, các khoản phí hoặc chi phí phát sinh trong thời gian từ ngày thông báo đến ngày chấm dứt Hợp đồng, cùng với phí phạt chậm thanh toán, lãi chậm trả và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo (nếu có).
- b. Hoàn trả đầy đủ thiết bị Bên B đã cung cấp hoặc cho mượn (nếu có) trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và kèm theo biên bản thu hồi có xác nhận giữa hai Bên. Thiết bị hoàn trả phải đảm bảo không hư hỏng và không bị giảm

sút giá trị sử dụng so với thời điểm nhận từ Bên B, trừ những hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng. Nếu thiết bị hỏng hóc do lỗi Bên A, Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên B;

c. Bên A không được hoàn trả phí lắp đặt đã thanh toán theo từng dịch vụ đã quy định tại Phụ lục tương ứng và tuân thủ theo các quy định trong Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng.

7.3.2 Bên B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp Dịch vụ đến thời điểm chấm dứt, hoàn trả cho Bên A các khoản phí đã thu nhưng chưa sử dụng (nếu có), và các nghĩa vụ liên quan khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

7.3.3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo các điểm 7.2.1.a, 7.2.1.b, 7.2.1.c 7.2.1.d, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thanh toán khoản phạt vi phạm hợp đồng với mức..... (*mức cụ thể do các Bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng nhưng không quá 8%*) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

7.3.4. Trong trường hợp Bên B tạm ngừng cung cấp Dịch vụ theo các điểm 7.1.1.a, 7.1.1.b hoặc chấm dứt Hợp đồng/Phụ lục theo các điểm 7.2.2.a, 7.2.2.b, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán khoản phạt vi phạm hợp đồng với mức..... (*mức cụ thể do các Bên thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng nhưng không quá 8%*) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

7.4 Thanh lý hợp đồng:

7.4.1 Khi chấm dứt Hợp đồng, các bên phải tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng để xác định quyền và nghĩa vụ còn lại của mỗi bên, khi đó Bên A phải thanh toán toàn bộ cước phí dịch vụ sử dụng, trang thiết bị được cung cấp theo gói dịch vụ (nếu có) và hoàn tất các cam kết đối với dịch vụ đã sử dụng. Hợp đồng chỉ hết hiệu lực và được thanh lý khi các bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ trong Hợp đồng.

7.4.2 Trường hợp dịch vụ đã được lắp đặt, hoàn thiện xong mà các bên không ký được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Hợp đồng sẽ tự động thanh lý.

7.4.3 Trong trường hợp quá thời gian quy định, kể từ ngày ký hợp đồng mà Bên B không lắp đặt được dịch vụ, Bên B phải thông báo và hoàn trả cho Bên A toàn bộ phí lắp đặt dịch vụ đã nhận (nếu có) và hợp đồng tự động thanh lý trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 8: LUẬT ÁP DỤNG

Pháp luật áp dụng đối với Hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Án phí, lệ phí và các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp (nếu có), bao gồm cả chi phí luật sư và các chi phí hợp lý khác, sẽ được xử lý theo phán quyết của Tòa án có thẩm quyền tại thời điểm giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 10: THÔNG TIN HỖ TRỢ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC, KHIẾU NẠI BÊN A

Chăm sóc khách hàng của LEWU TECH

Địa chỉ: 118/127A/28 Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ: (+28) 22 202 202

Email: info@lewutech.vn

ĐIỀU 11: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 11.1 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu Bên nào vi phạm Hợp đồng sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên kia và trước pháp luật.
- 11.2 Trong trường hợp một trong hai bên vi phạm các quy định của Hợp đồng này dẫn đến việc thiệt hại về kinh tế thì Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường cho Bên bị vi phạm theo mức thiệt hại thực tế và trực tiếp theo quy định của pháp luật.
- 11.3 Trong mọi trường hợp, tổng trách nhiệm pháp lý của mỗi Bên phát sinh từ Hợp đồng này (nếu có) sẽ không vượt quá mức phí dịch vụ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí khác) của tháng (số tháng cụ thể do các Bên thỏa thuận tại thời điểm ký Hợp đồng nhưng không quá 12 tháng) gần nhất mà Bên A đã thanh toán hoặc có nghĩa vụ phải thanh toán liên quan đến dịch vụ theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Dân sự 2015 trừ trường hợp thiệt hại phát sinh từ hành vi cố ý vi phạm hoặc vi phạm nghĩa vụ về bảo mật hoặc quyền sở hữu trí tuệ.

ĐIỀU 12: BẤT KHẢ KHÁNG

- 12.1 “Bất khả kháng” là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng, mặc dù các Bên đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép. Sự kiện bất khả kháng bao gồm: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, chiến tranh, dịch bệnh, tai nạn, hành vi hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sự cố kỹ thuật xảy ra khách quan trong quá trình cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ mà không phải do lỗi của các Bên, hoặc các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.
- 12.2 Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, nghĩa vụ của các Bên theo Hợp đồng sẽ tạm thời không thực hiện và sẽ tiếp tục được thực hiện ngay khi sự kiện chấm dứt hoặc được khắc phục.
- 12.3 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm về việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ (ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ liên quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 12.4 dưới đây).
- 12.4 Trường hợp Bên A là người tiêu dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nếu bị ảnh hưởng trực tiếp bởi sự kiện bất khả kháng và không thể tiếp tục sử dụng dịch vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán:
 - a. Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B kèm theo tài liệu chứng minh;
 - b. Hai Bên sẽ thiện chí thương lượng để đưa ra giải pháp phù hợp như: tạm dừng nghĩa vụ thanh toán, điều chỉnh tiến độ thanh toán, hoặc chấm dứt Hợp đồng/phụ lục Hợp đồng (nếu cần thiết).
- 12.5 Trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày:
 - a. Hai Bên sẽ thương lượng để thỏa thuận phương án xử lý;
 - b. Nếu không đạt được thỏa thuận, mỗi Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không bị coi là vi phạm, với điều kiện gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại ít nhất 07 (bảy) ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt.

ĐIỀU 13: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 13.1 Các Phụ lục Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng. Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng có thể sửa đổi, bổ sung theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận giữa các bên. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực sẽ chấm dứt hiệu lực Phụ lục hợp đồng kèm theo.
- 13.2 Nếu các văn bản nêu trong phần căn cứ được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thì các quy định liên quan trong Điều khoản chung cũng được thay đổi tương ứng.
- 13.3 Thông tin địa chỉ gửi thông báo thanh toán dùng để in trên hóa đơn thanh toán đối với Bên A cá nhân.

- 13.4 Các Bên cam kết và bảo đảm: có đủ năng lực, tư cách pháp lý, các giấy phép, chấp thuận cần thiết từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, người đại diện của các Bên có đủ thẩm quyền ký kết Hợp đồng.
- 13.5 Bên A cam kết đã đọc và hiểu rõ nội dung Hợp đồng trước khi ký kết. Đồng thời, hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản trong Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và tất cả các quy định pháp luật có liên quan

II. ĐIỀU KHOẢN VỀ DỊCH VỤ

1. Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ theo các phụ lục đính kèm.
2. Hình thức thanh toán và nhận thông báo phí dịch vụ
 - Các Bên thống nhất các hình thức nhận thông báo phí dịch vụ, hình thức thanh toán Bên A đã đăng ký (*trừ trường hợp Bên A thay đổi hình thức thanh toán, gửi thông báo phí dịch vụ trong quá trình sử dụng sau ngày ký hợp đồng*).
 - Bên A tích dấu "X" vào ô tương ứng với nhu cầu nhận thông báo phí dịch vụ và hình thức thanh toán.

Hình thức thanh toán

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm thu qua ngân hàng | <input type="checkbox"/> Thanh toán qua Thương mại điện tử |
| <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm chi qua ngân hàng | <input type="checkbox"/> Khác |
| <input type="checkbox"/> Tại cửa hàng trực tiếp của Bên B | |

Hình thức nhận thông báo phí dịch vụ

- | |
|--|
| <input type="checkbox"/> Nhận trực tiếp tại điểm giao dịch của Bên B |
| <input type="checkbox"/> Qua thư điện tử |
| <input type="checkbox"/> Qua tin nhắn SMS |
| <input type="checkbox"/> Qua công thông tin điện tử của Bên B |
| <input type="checkbox"/> Không nhận |
| <input type="checkbox"/> Khác..... |

Hợp đồng này lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Quang Thành